

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TUỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày 25 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TUỜNG - TỈNH VINH PHÚC**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chung và ông Phùng Văn Thông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nghiêm Văn C**, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1966; sinh trú quán: Thôn P, Xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: **Nghiêm Văn V** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Đ** (đã chết); vợ: **Phan Thị O**, sinh năm 1979; con: Có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 11 ngày 30/7/1999 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 01/9/2000 chấp hành xong hình phạt tù còn khoản án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự đến nay chưa thi hành; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 17/2007/HSST ngày 27/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 30/11/2011 chấp hành xong hình phạt tù, về án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng năm 2007 Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam đã ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự huyện V tổ chức thi hành án với **Nghiêm Văn C**, tuy nhiên đến nay Chi cục thi hành án dân sự huyện V không có hồ sơ thi hành án đối với **Nghiêm Văn C** về nội dung này. Ngày 30/11/2011 **C** đã chấp hành xong hình phạt tù và đến nay Chi cục thi hành án dân sự huyện V chưa ra quyết định thi hành án về khoản án phí hình sự sơ thẩm của bản án trên đối với **C**; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2017 đến nay, (có mặt).

2. **Lê Đức H**, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1981; sinh trú quán: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Giáo viên; văn hóa: 12/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ

trường Trung học cơ sở thị trấn T. Ngày 13/9/2017 Ủy ban kiểm tra Đảng huyện V đã ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 77 đối với H; con ông: Lê Đức S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; vợ: Phan Thị H, sinh năm 1986; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/7/2017 đến ngày 10/7/2017 được tại ngoại,(có mặt).

3. Nguyễn Văn B, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1973; sinh trú quán: Thôn P, Xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 8/12; con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị S, sinh năm 1942; vợ: Nghiêm Thị T, sinh năm 1974; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993 nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/7/2017 đến ngày 10/7/2017 được tại ngoại,(có mặt).

4. Phạm Văn B, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1971; sinh trú quán: Thôn P, Xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hóa: 6/12; con ông: Phạm Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1932; vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/9/2017 được tại ngoại,(có mặt).

5. Trần Văn Đại T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1986; sinh trú quán: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 9/12; con ông: Trần Văn C, sinh năm 1950 và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; vợ: Kim Thị L, sinh năm 1988; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2017 đến ngày 10/7/2017 được tại ngoại,(có mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nghiêm Văn C, Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố về hành vi phạm tội như sau.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 01/7/2017 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô BKS88L - 222.20 đến nhà Nghiêm Văn C ở cùng thôn chơi. Khi cả 2 đang ngồi uống nước thì có Phạm Văn B đi bộ sang chơi, sau đó lần lượt Lê Đức H điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, Trần Văn Đại T điều khiển xe mô tô BKS 88F1 - 238.37 đến nhà C chơi. Khi mọi người đang uống nước thì H nói “Anh em ngồi chơi tý” ý là rủ mọi người đánh chẵn ăn tiền, mọi người đồng ý. H bảo C cho mọi người đánh bạc tại nhà mình thì C đồng ý rồi đi trải chiếu chiếu cói đôi đã cũ xuống nền nhà, lấy 01 bộ bài chẵn, 01 bát sứ để cho các bị cáo đánh bạc. Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, H và T cùng nhau đánh bạc còn C ngồi xem. Các bị cáo thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh chẵn sử dụng bộ bài chẵn có 100 quân gồm: 04 quân chi chi, 12 quân nhị, 12 quân tam, 12 quân tứ, 12 quân ngũ, 12 quân lục, 12 quân thất, 12

quân bát, 12 quân cửu. Mỗi hàng có 12 quân và có 04 quân giống nhau chia thành ba bộ là vạn, văn, sách. Trong một ván đánh bạc thì sử dụng 100 quân bài rồi chia thành 04 phần, trong đó có 03 phần có mười chín quân bài được chia cho 03 người chơi, riêng người chia bài được 20 quân để đánh trước, 23 quân bài còn lại được đặt trên đĩa sứ ở giữa chiếu gọi là “nọc”. Người về nhất lấy một quân bài trong nọc bắt cái rồi mọi người lấy bài để đánh với nhau. Người nào đánh đầu tiên thì bốc một quân bài ở “nọc”, sau đó đánh một quân bài sang người ngồi bên tay phải (hay còn gọi là cửa dưới). Người ở cửa dưới nếu ăn được cây bài đó thì để lại, nếu không ăn được thì bốc một quân bài ở “nọc” lên bài của mình và đánh một quân bài sang người ngồi bên tay phải của mình. Cứ như vậy đánh theo vòng tròn cho đến khi có người “ù” hoặc khi hết các quân bài ở dưới “nọc” thì kết thúc một ván đánh bạc. Khi kết thúc một ván bài nếu ai chắn bài và có đủ 6 chắn và 4 cạ thì “ù”, một chắn là có 02 quân bài giống nhau và một cạ là có 02 quân bài khác nhau nhưng cùng một hàng. Trường hợp cứ đánh như trên cho đến khi bốc hết số quân bài trên đĩa mà không ai ù thì không tính thắng thua mà chia lại bài đánh ván mới. Cách tính thắng thua khi đánh chắn là ai được ù trước thì người đó thắng và được thu tiền của những người chơi còn lại. Có hai hình thức ù là “ù xuôi” và “ù cước sắc”. “Ù xuôi” nghĩa là trên bài có 06 đôi, từng đôi giống nhau, 04 đôi còn lại thì từng đôi cùng loại (cùng bộ) nhưng khác hoa văn (cạ). Còn “ù cước sắc” là trường hợp ngoài đủ điều kiện “ù xuôi” thì trên bài có thêm các “cước” để được tính tăng thêm lượng tiền được hưởng theo cước sắc đó. Cước sắc được quy định như sau: “lèo” được tính là cước khi trên bài có 01 quân cửu vạn, 01 quân bát sách và 02 quân chi chi; “tôm” được tính là cước khi trên bài có 01 quân tam vạn, 01 quân tam sách và 01 quân thất văn; “bach định” được tính là cước khi trên bài toàn bộ các quân màu đen; “tám đỏ” được tính là cước khi trên bài có quân màu đỏ. Tuy nhiên một ván “ù cước sắc” có tối đa là 10 cước, mỗi cước gọi là 01 dịch. Tỷ lệ ăn thua các đối tượng thống nhất là: theo tỷ lệ ù xuôi được mỗi người chơi trả 100.000 đồng, ù có tôm được mỗi người chơi trả 350.000 đồng, ù lèo được mỗi người chơi trả 400.000 đồng,... cứ mỗi dịch thì được thêm 50.000 đồng và nếu ai ù có cước sắc thì sẽ nộp cho C 50.000 đồng tiền hồ. Quá trình đánh bạc H ù 02 ván có cước sắc nên đã nộp cho C 100.000 đồng, B ù 01 ván có cước sắc nên đã nộp cho C 50.000 đồng, T ù 02 ván có cước sắc nên đã nộp cho C 100.000 đồng. Tổng số tiền C thu được là 250.000 đồng. Các bị cáo H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, T, đánh bạc đến 12 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu tại chiếu bạc gồm: 5.950.000 đồng, 01 bộ bài chắn; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc chiếu cói đôi đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động loại 1280 màu xám và 250.000 đồng. Thu giữ trên người các bị cáo gồm: Nguyễn Văn B 01 điện thoại

di động Nokia 225 màu đen, 01 điện thoại di động Iphon 5S và 3.200.000 đồng; Lê Đức H 01 điện thoại di động loại Samsung Dous màu vàng và 3.000.000 đồng; Trần Văn Đại T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8+ màu vàng; Phạm Văn B 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia X1 màu đen và 800.000 đồng.

- Thu giữ tại sân nhà Nghiêm Văn C 01 xe mô tô BKS: 88L1- 222.20, 01 xe mô tô BKS: 88F1- 238.37, 01xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX không có biển kiểm soát số khung RLHJA 3212EY029842, số động cơ JA32E-1056719.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào đánh bạc như sau: Lê Đức H 4.500.0000 đồng, Nguyễn Văn B 3.400.000 đồng, Phạm Văn B 3.000.000 đồng, Trần Văn Đại T 2.300.000 đồng.

Tại cáo trạng số 61/KSĐT - TA ngày 28/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nghiêm Văn C, Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi đánh giá chứng cứ, phân tích tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân của các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nghiêm Văn C từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/7/2017). Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Đại T từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt tiền bị cáo C 5.000.000 đồng, bị cáo H 4.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Văn B và T mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ nhà nước và đề xuất quan điểm xử lý vật chứng vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nghiêm Văn C, Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai mà các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng pháp luật được thể hiện trong hồ sơ vụ án, cũng như kết quả tranh tụng, thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận.

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 01/7/2017 tại nhà ở của Nghiêm Văn C Thôn P, Xã B, huyện Vĩnh Tường Công an huyện V bắt quả tang Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Lê Đức H, Trần Văn Đại T đang đánh bạc dưới hình thức chơi bài chắn ăn tiền. Vật chứng thu giữ gồm: 13.200.000 đồng, 01 bộ bài chắn, 01 bát sứ, 01 chiếc chiếu cói đôi, 06 chiếc điện thoại di động và 03 chiếc xe mô tô các loại. C là người cho H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B và T đánh bạc tại nhà mình và thu 50.000đ tiền hồ đối với 01 lần có ù cược sắc, C đã thu được 250.000đ tiền hồ.

Hành vi của Nghiêm Văn C sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm cho các bị cáo đánh bạc để thu tiền hồ và là người trải chiếu, chuẩn bị bài cho các bị cáo đánh bạc chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc, gá bạc” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự nên C đồng phạm với các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, ... thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.”

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật, cưỡng đoạt tài sản, cho vay nặng lãi.... Vì vậy đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nghiêm Văn C có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo Nghiêm

Văn C có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Lê Đức H và Nguyễn Văn B còn có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là bị cáo H có bố được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và bị cáo Nguyễn Văn B có bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Nghiêm Văn C là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc, đồng thời dùng nhà ở của mình làm địa điểm cho các đối tượng đánh bạc nhằm mục đích thu tiền hồ và Lê Đức H là người rủ rê, khởi xướng đánh bạc nên C và H giữ vai trò chính trong vụ án; đối với Nguyễn Văn B, Phạm Văn B và Trần Văn Đại T đồng phạm có vai trò đứng thứ hai. Các bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của mình.

Xét nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án thấy: Nghiêm Văn C là người có nhân thân xấu, bị cáo đã hai lần bị Tòa án xử phạt nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội điều đó chứng tỏ bị cáo có lối sống coi thường pháp luật, ngoài ra bị cáo còn là người giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù giam cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích. Đối với bị cáo H là người khởi xướng cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng xét thấy bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Phía Ủy ban nhân dân thị trấn T nơi bị cáo cư trú và Trường trung học cơ sở thị trấn T nơi bị cáo công tác đều xác nhận bị cáo là công dân tốt, do lấy vợ nhiều năm không có con phải đi cấy ghép đến khi gần sinh thì 03 con của bị cáo bị chết lưu nên bị cáo chán nản dẫn đến việc vi phạm pháp luật đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, ngoài ra bị cáo còn nuôi bố để là thương binh loại A hạng 2/8 nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi dưỡng bố bị cáo và ổn định hạnh phúc gia đình hiện tại của bị cáo. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Văn B có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, có vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ dẫn đe và cải tạo các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Văn Đại T lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thứ yếu và số tiền dùng vào đánh bạc ít nhất trong vụ án nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để dẫn đe và cải tạo bị cáo trở

thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự thì người bị kết án cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập để sung công quỹ nhà nước. Xét thấy bị cáo Trần Văn Đại T là người lao động tự do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, phạt tiền các bị cáo từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 13.200.000 đồng thu giữ của các bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định đây là số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu, sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 bộ bài chắn, 01 bát sứ, 01 chiếc chiếu cói đôi là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 06 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88L1- 222.20 đã thu giữ, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T. Ngày 01/7/2017 Biên mượn xe của anh T đến nhà Nghiêm Văn C chơi, không sử dụng chiếc xe trên vào việc đánh bạc nên ngày 16/8/2017 Công an huyện Vĩnh Tường đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88F1- 238.37 và chiếc xe mô tô Honda Wave RSX không có biển kiểm soát đã thu giữ, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 88F1- 238.37 là tài sản hợp pháp của Trần Văn Đại T và chiếc xe mô tô Honda Wave RSX không có biển kiểm soát là tài sản hợp pháp của Lê Đức H, T và H không sử dụng xe trên vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nghiêm Văn C, Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/7/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức H 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đại T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Đức H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân Xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Văn Đại T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền Nghiêm Văn C 5.000.000 (năm triệu) đồng, Lê Đức H 5.000.000 (năm triệu) đồng, Nguyễn Văn B 4.000.000 (bốn triệu) đồng, Phạm Văn B 4.000.000 (bốn triệu) đồng, Trần Văn Đại T 4.000.000 (bốn triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu số tiền 13.200.000 (Mười ba triệu hai trăm nghìn) đồng sung quỹ nhà nước. Tịch thu 01 (Một) bộ bài chắn, 01 (Một) bát sứ, 01 (Một) chiếc chiếu cói đôi để tiêu hủy. Trả lại cho Nghiêm Văn C 01 (Một) điện thoại di động 1280, Nguyễn Văn B 01 (Một) điện thoại di động Nokia 225 và 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5S, Lê Đức H 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX không có biển kiểm soát có số khung RLHJA 3212EY029842 - số động cơ JA32E-1056719 và 01 (Một) điện thoại di động loại Samsung Dous, Trần Văn Đại T 01 (Một) xe mô tô BKS 88F1- 238.37 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 , Phạm Văn B 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia X1 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/10/2017 của Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc các bị cáo Nghiêm Văn C, Lê Đức H, Nguyễn Văn B, Phạm Văn B, Trần Văn Đại T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Vĩnh Tường;
- THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các bị cáo;
- UBND thị trấn Thổ Tang, xã Bình Dương, xã Đồng Văn;
- Lưu HS vụ án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận